

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-DS ngày 14/5/2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hoa; Sinh năm 1968,

Nơi cư trú: Phố 3, thị trấn C, huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Y ; Sinh năm 1966,

Nơi cư trú: Phố 1, thị trấn CN, huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 21/11/2020 chị Phạm Thị Y có chót nợ với chị Lê Thị H bằng giấy vay tiền. Nội dung thỏa thuận chị Y còn nợ chị Hoa 265.000.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Trong đó thỏa thuận 186.800.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) gốc là trả theo lãi suất ngân hàng 0,96%/tháng trả lãi và gốc theo tháng. Khoản 78.200.000đ (Bảy mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng) trả lãi 1%/tháng.

Ngày 31/12/2020 chị Y vay chị H 20.000.000đ lãi đã trả hết tháng 03 năm 2021 nay yêu cầu trả lãi và gốc của 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với mức lãi suất 1,66%/tháng từ 01 /4/2021 đến 01/9/2021 là 05 tháng.

Quá trình vay chị Y đã trả được 16.898.333đ (Mười sáu triệu tám trăm chín mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền gốc và trả đã trả 5.157.570đ (Năm triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi đồng) tiền lãi.

2.2. Nay chị Phạm Thị Y và chị Lê Thị H tự nguyện thỏa thuận. Chị Phạm Thị Y có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị H gồm:

Tiền gốc chốt đến ngày 21/11/2020 là 265.000.000đ – 16.898.333đ (đã trả)=248.101.667đ (Hai trăm bốn mươi tám triệu một trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Tiền gốc vay ngày 31/12/2020 là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Tổng tiền gốc chị Y phải trả cho chị H là 268.101.667đ

-Lãi của 186.800.000đ x 0,96%/tháng x 09 tháng =16.139.520đ

-Lãi của 78.200.000đ x 1%/tháng x 09 tháng =7.038.000đ

-Lãi của 20.000.000đ x 1,66%/tháng x 05 tháng = 1.660.000đ

Tổng tiền lãi chị Y phải trả cho chị H là (16.139.520đ + 7.038.000đ + 1.660.000đ) -5.157.570đ =19.679.950đ (Mười chín triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng).

Tổng cả gốc và lãi chị Y có trách nhiệm trả cho chị H khi quyết định có hiệu lực pháp luật là 287.781.617đ làm tròn 287.781.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

2.3. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147 BLTTDS; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Các đương sự tự nguyện thỏa thuận chị Phạm Thị Y chịu toàn bộ án phí của số tiền phải trả 287.781.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng) là 7.194.525đ làm tròn 7.194.000đ (Bảy triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng). Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Thị H là 7.011.000đ (Bảy triệu không trăm mười một nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007574 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5 Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án;
Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKS cùng cấp
- THA dân sự
- GĐA
- Các đương sự,
-
- Lưu hs

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên